TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH H** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 24/2020/QĐST – HNGĐ.	*Mỹ Hào, ngày 04 tháng 3 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 22/2020 /TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Đài Tr – SN: 1990

Địa chỉ: Số nhà 33 – phố H - thị trấn B – Huyện H – tỉnh T

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ – SN: 1992

Địa chỉ: Đội 4 – Tổ dân phố C – Phường B – thị xã M – tỉnh H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Minh Th – SN: 02/12/2010

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Th: Anh Nguyễn Văn Đ – SN: 1992

Địa chỉ: Đội 4 – Tổ dân phố C – Phường B – thị xã M – tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Đỗ Thị Đài Trang – SN: 1990

Địa chỉ: Số nhà 33 – phố H - thị trấn B – Huyện H – tỉnh T

Anh Nguyễn Văn Đoàn – SN: 1992

Địa chỉ: Đội 4 – Tổ dân phố C – Phường B – thị xã M – tỉnh H

2/- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Đài Tr và anh Nguyễn Văn Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị xác nhận vợ chồng sinh được 01 con chung là Cháu Nguyễn Minh Th – SN: 02/12/2010. Anh chị thỏa thuận giao cháu Th cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu thành niên, anh Đ tự nguyện không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ là người đại diện theo pháp luật cho cháu Th.

Chị Tr được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản, nợ, công sức, ruộng nông nghiệp: Không có.

- Về án phí: Chị Tr tự nguyện chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0004173 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M. Trả lại chị Tr số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Chị Tr đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

3/- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự.
- VKSND thị xã M
- Chi cục T.H.A DS thị xã M
- UBND phường B
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Trần Ngọc Lâm